



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

*Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH  
Số 10/11 Đường Hùng Vương, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
Số điện thoại: 08.35.123.456

MỤC LỤC

- BÁO CÁO CỦA TÀI CHÍNH ĐỘC
- BÁO CÁO KIỂM TRA
- PHỤ LỤC
- PHỤ TẠCH
- PHỤ TẠCH 1
- PHỤ TẠCH 2
- PHỤ TẠCH 3
- PHỤ TẠCH 4
- PHỤ TẠCH 5
- PHỤ TẠCH 6
- PHỤ TẠCH 7
- PHỤ TẠCH 8
- PHỤ TẠCH 9
- PHỤ TẠCH 10
- PHỤ TẠCH 11
- PHỤ TẠCH 12
- PHỤ TẠCH 13
- PHỤ TẠCH 14
- PHỤ TẠCH 15
- PHỤ TẠCH 16
- PHỤ TẠCH 17
- PHỤ TẠCH 18
- PHỤ TẠCH 19
- PHỤ TẠCH 20
- PHỤ TẠCH 21
- PHỤ TẠCH 22
- PHỤ TẠCH 23
- PHỤ TẠCH 24
- PHỤ TẠCH 25
- PHỤ TẠCH 26
- PHỤ TẠCH 27
- PHỤ TẠCH 28
- PHỤ TẠCH 29
- PHỤ TẠCH 30
- PHỤ TẠCH 31
- PHỤ TẠCH 32
- PHỤ TẠCH 33
- PHỤ TẠCH 34
- PHỤ TẠCH 35
- PHỤ TẠCH 36
- PHỤ TẠCH 37
- PHỤ TẠCH 38
- PHỤ TẠCH 39
- PHỤ TẠCH 40
- PHỤ TẠCH 41
- PHỤ TẠCH 42
- PHỤ TẠCH 43
- PHỤ TẠCH 44
- PHỤ TẠCH 45
- PHỤ TẠCH 46
- PHỤ TẠCH 47
- PHỤ TẠCH 48
- PHỤ TẠCH 49
- PHỤ TẠCH 50
- PHỤ TẠCH 51
- PHỤ TẠCH 52
- PHỤ TẠCH 53
- PHỤ TẠCH 54
- PHỤ TẠCH 55
- PHỤ TẠCH 56
- PHỤ TẠCH 57
- PHỤ TẠCH 58
- PHỤ TẠCH 59
- PHỤ TẠCH 60
- PHỤ TẠCH 61
- PHỤ TẠCH 62
- PHỤ TẠCH 63
- PHỤ TẠCH 64
- PHỤ TẠCH 65
- PHỤ TẠCH 66
- PHỤ TẠCH 67
- PHỤ TẠCH 68
- PHỤ TẠCH 69
- PHỤ TẠCH 70
- PHỤ TẠCH 71
- PHỤ TẠCH 72
- PHỤ TẠCH 73
- PHỤ TẠCH 74
- PHỤ TẠCH 75
- PHỤ TẠCH 76
- PHỤ TẠCH 77
- PHỤ TẠCH 78
- PHỤ TẠCH 79
- PHỤ TẠCH 80
- PHỤ TẠCH 81
- PHỤ TẠCH 82
- PHỤ TẠCH 83
- PHỤ TẠCH 84
- PHỤ TẠCH 85
- PHỤ TẠCH 86
- PHỤ TẠCH 87
- PHỤ TẠCH 88
- PHỤ TẠCH 89
- PHỤ TẠCH 90
- PHỤ TẠCH 91
- PHỤ TẠCH 92
- PHỤ TẠCH 93
- PHỤ TẠCH 94
- PHỤ TẠCH 95
- PHỤ TẠCH 96
- PHỤ TẠCH 97
- PHỤ TẠCH 98
- PHỤ TẠCH 99
- PHỤ TẠCH 100

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

36  
G T  
ỆM H  
GOA  
TÀI  
JC  
Y -

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH

Khu chung cư xi măng Hữu Nghị, KCN Thụy Vân,  
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị:

Bà Nguyễn Thị Yến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Miễn nhiệm ngày 16/04/2011 (hiện vẫn là thành viên Hội đồng quản trị)
Ông Phan Văn Khích	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Bổ nhiệm ngày 16/04/2011
Ông Phan Văn Khoa	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Kim Tuyến	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Hữu Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị

#### Ban Giám đốc

Ông Phan Văn Khích	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
  
**Phan Văn Khích**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 8 năm 2011

0-C  
Y  
ỨU H  
I VÀ  
CHIN  
IỀ  
TP



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2432/2011/BCSX-IFC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011  
của Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được lập ngày 12/08/2011 của Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 16 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

**Cơ sở của ý kiến**

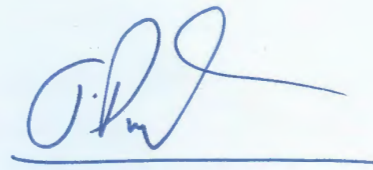
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính.

**Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Khúc Đình Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0748/KTV  
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2011



**Phạm Tiến Dũng**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0747/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>165.946.499.159</b>	<b>142.103.314.239</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>326.912.401</b>	<b>2.358.714.078</b>
1. Tiền	111	V.1	326.912.401	2.358.714.078
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>118.979.974.339</b>	<b>62.103.325.037</b>
1. Phải thu khách hàng	131		91.805.224.583	62.103.325.037
2. Trả trước cho người bán	132		27.174.749.756	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>46.398.185.688</b>	<b>77.641.275.124</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.2	46.398.185.688	77.641.275.124
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>241.426.731</b>	<b>-</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		241.426.731	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>43.858.353.476</b>	<b>45.419.900.432</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.746.572.518</b>	<b>41.303.098.842</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.3	39.710.452.094	41.261.778.416
- Nguyên giá	222		44.293.752.620	44.293.752.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.583.300.526)	(3.031.974.204)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.4	36.120.424	41.320.426
- Nguyên giá	228		52.000.000	52.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.879.576)	(10.679.574)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.100.000.000</b>	<b>4.100.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.5	4.100.000.000	4.100.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.780.958</b>	<b>16.801.590</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	11.780.958	16.801.590
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>209.804.852.635</b>	<b>187.523.214.671</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>67.052.572.808</b>	<b>60.272.087.780</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.032.572.808</b>	<b>60.252.087.780</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	20.500.000.000	20.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		38.120.345.051	36.360.386.967
3. Người mua trả tiền trước	313		2.877.805.655	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.214.450.420	209.011.194
5. Phải trả người lao động	315		304.316.500	775.849.602
6. Chi phí phải trả	316		468.846.145	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.8	189.074.541	49.105.521
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.357.734.496	2.357.734.496
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>142.752.279.827</b>	<b>127.251.126.891</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.9	<b>142.752.279.827</b>	<b>127.251.126.891</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.000.000.000	72.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.357.734.496	2.357.734.496
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.357.734.496	2.357.734.496
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.036.810.835	50.535.657.899
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>209.804.852.635</b>	<b>187.523.214.671</b>



**Phan Văn Khích**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

**Nguyễn Mạnh Hà**  
**Kế toán trưởng**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

MẪU B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	165.624.963.693	212.839.258.354
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		165.624.963.693	212.839.258.354
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	145.390.351.559	188.892.640.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.234.612.134	23.946.618.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.552.482	7.127.718
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.932.964.203	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.932.964.203	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		599.597.057	207.019.512
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.715.603.356	23.746.726.218
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.715.603.356	23.746.726.218
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.214.450.420	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.501.152.936	23.746.726.218
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	2.153	3.298



**Phan Văn Khích**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 8 năm 2010

**Nguyễn Mạnh Hà**  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

MẪU B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	176.041.023.000	152.591.743.090
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(171.820.833.811)	(150.279.299.482)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.841.753.900)	(2.368.205.700)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.464.118.058)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	74.446.830	23.693.900
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(2.034.118.220)	(715.601.356)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(2.045.354.159)</i>	<i>(747.669.548)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.552.482	7.127.718
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>13.552.482</i>	<i>7.127.718</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.031.801.677)	(740.541.830)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.358.714.078	1.466.832.196
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	326.912.401	726.290.366



**Phan Văn Khiết**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 08 năm 2011

**Nguyễn Mạnh Hà**  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì xi măng Chính An hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600632004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2009, cấp thay đổi lần 1 ngày 23 tháng 12 năm 2009 và cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 27 tháng 04 năm 2010.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 94 người (năm 2010 là: 113 người).

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần (Nghìn cổ phần)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Nguyễn Thị Yên	Phổ thông	464	4.640	6,4
2	Phan Văn Khích	Phổ thông	87	870	1,2
3	Nguyễn Mạnh Hà	Phổ thông	87	870	1,2

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty bao gồm:

- Sản xuất bao bì xi măng;
- Gia công chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị cơ khí;
- Sản xuất kinh doanh xi măng và vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất gang thép, kim loại màu;
- Chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; khu cụm, công nghiệp, khu đô thị mới và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;
- Đầu tư, xây dựng và kinh doanh các công trình nhiệt điện, thủy điện; lắp đặt sửa chữa hệ thống điện tử, điện nước;
- Khai thác chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống giải khát và các dịch vụ du lịch khác;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Kinh doanh đồ dùng cá nhân và gia đình, hàng kim khí, vải sợi, hóa chất công nghiệp cơ bản; kinh doanh xăng dầu, mỡ các loại;
- Sản xuất kinh doanh các loại phân hóa học, hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm sản xuất kinh doanh).

**II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Ngày 31/12/2009 và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	49.525.318	1.858.351.925
Tiền gửi ngân hàng	277.387.083	500.362.153
<b>Cộng</b>	<b>326.912.401</b>	<b>2.358.714.078</b>

**2 Hàng tồn kho**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.877.910.747	70.907.951.731
Công cụ, dụng cụ	485.041.032	2.354.373.036
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.140.058	53.592.942
Thành phẩm	8.908.443.131	4.325.357.415
Hàng hóa	6.076.650.720	-
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>46.398.185.688</b>	<b>77.641.275.124</b>

**3 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2011	31.887.847.858	12.380.000.000	25.904.762	44.293.752.620
Tại ngày 30/06/2011	<b>31.887.847.858</b>	<b>12.380.000.000</b>	<b>25.904.762</b>	<b>44.293.752.620</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2011	2.106.117.294	919.136.064	6.720.846	3.031.974.204
Khấu hao trong kỳ	834.379.260	714.356.586	2.590.476	1.551.326.322
Tại ngày 30/06/2011	<b>2.940.496.554</b>	<b>1.633.492.650</b>	<b>9.311.322</b>	<b>4.583.300.526</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2011	<b>29.781.730.564</b>	<b>11.460.863.936</b>	<b>19.183.916</b>	<b>41.261.778.416</b>
Tại ngày 30/06/2011	<b>28.947.351.304</b>	<b>10.746.507.350</b>	<b>16.593.440</b>	<b>39.710.452.094</b>

Công ty dùng toàn bộ tài sản cố định hữu hình hiện có để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2011	52.000.000	52.000.000
Tại ngày 30/06/2011	<b>52.000.000</b>	<b>52.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2011	10.679.574	10.679.574
Khấu hao trong kỳ	5.200.002	5.200.002
Tại ngày 30/06/2011	<b>15.879.576</b>	<b>15.879.576</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2011	41.320.426	41.320.426
Tại ngày 30/06/2011	<b>36.120.424</b>	<b>36.120.424</b>

**5. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.780.958	16.801.590
<b>Cộng</b>	<b>11.780.958</b>	<b>16.801.590</b>

**6. Đầu tư và Công ty liên kết, liên doanh**

Là khoản Công ty mua lại 410.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến lâm khoáng sản Hoàng Phát từ Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị. Theo đó, Công ty sẽ trở thành thành viên sáng lập sở hữu 25% vốn Điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến lâm khoáng sản Hoàng Phát.

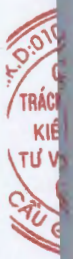
Hiện tại Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến lâm khoáng sản Hoàng Phát vẫn đang trong giai đoạn triển khai đầu tư.

**7. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Hà Nội (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn- Chi nhánh Thanh Xuân (**)	5.500.000.000	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.500.000.000</b>	<b>20.500.000.000</b>

(\*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1480 LAV 211000477/HĐTD ngày 23 tháng 11 năm 2010 lãi suất 16,2% năm tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo lãi suất thị trường và thỏa thuận của hai bên bằng phụ lục hợp đồng.

(\*\*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1505LAV201000817/HĐTD ngày 26/11/2010 với mức lãi suất 15,5% năm thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền vay lần đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**8. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	19.969.399	18.914.321
Kinh phí công đoàn	169.105.142	30.191.200
<b>Cộng</b>	<b>189.074.541</b>	<b>49.105.521</b>

**9. Vốn chủ sở hữu**

**Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	72.000.000.000	2.357.734.496	2.357.734.496	50.535.657.899	127.251.126.891
Góp vốn	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	15.501.152.936	15.501.152.936
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	<b>72.000.000.000</b>	<b>2.357.734.496</b>	<b>2.357.734.496</b>	<b>66.036.810.835</b>	<b>142.752.279.827</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vố góp của các đối tượng khác	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>72.000.000.000</b>	<b>72.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2011	31/12/2010
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.200.000	7.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.200.000	7.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.200.000	7.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.200.000	7.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 đồng/cổ phiếu

200  
 CÔNG  
 NIỆM  
 M T  
 AN T  
 QUỐC  
 1/11

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>165.624.963.693</b>	<b>212.839.258.354</b>
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	164.424.963.693	211.475.621.990
- Doanh thu bán hàng	1.200.000.000	1.363.636.364
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>165.624.963.693</b>	<b>212.839.258.354</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	145.150.693.460	188.450.018.492
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	239.658.099	442.621.850
<b>Cộng</b>	<b>145.390.351.559</b>	<b>188.892.640.342</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi	13.552.482	7.127.718
<b>Cộng</b>	<b>13.552.482</b>	<b>7.127.718</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	1.932.964.203	-
<b>Cộng</b>	<b>1.932.964.203</b>	<b>-</b>

**5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	15.501.152.936	23.746.726.218
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	7.200.000	7.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.153</b>	<b>3.298</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Các bên liên quan với Công ty gồm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị	Có ảnh hưởng đáng kể (có đại diện trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc)
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2	
Công ty TNHH Phát triển Hùng Vương	

*Trong năm tài chính, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</u>
<b>Doanh thu</b>		
Bán hàng cho Công ty CP Xi Măng Hữu Nghị	82.861.362.809	132.461.243.400
Bán hàng cho Công ty CP Xi Măng Hữu Nghị 2	50.000.000.000	-
<b>Mua hàng</b>		
Mua hàng cho Công ty CP Xi Măng Hữu Nghị	108.860.623.760	232.216.483.309,00
Mua hàng cho Công ty TNHH Hùng Vương	359.768.504	147.310.463

*Số dư với các bên liên quan:*

	<u>30/06/2011 VND</u>	<u>01/01/2011 VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP Xi Măng Hữu Nghị	35.520.602.843	38.126.726.753
Công ty CP Xi Măng Hữu Nghị 2	50.000.000.000	-
<b>Các khoản trả trước cho người bán</b>		
Công ty CP Xi Măng Hữu Nghị	26.542.376.240	-
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty TNHH Hùng Vương	4.962.451.673	5.727.769.353

*Thu nhập của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng trong 6 tháng đầu năm 2011 như sau:*

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban giám đốc	40.000.000	35.000.000

